

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179 /2025/DS- PT

Ngày 17-11-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Triệu Thị Luyện

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng, ông Phạm Văn Tú .

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Nguyễn Văn Dũng
– Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm
công khai vụ án thụ lý số 244/2025/TLPT-DS ngày 17/10/2025 về việc “Tranh
chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Toà án
nhân dân khu vực 5-Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2025/QĐ-PT ngày
30/10/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Bị đơn - bà Hoàng Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Toà án
nhân dân khu vực 5-Bắc Ninh, tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:*

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ
Thị M trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhau từ lâu, bà có cho bà L vay tiền nhiều
lần, cụ thể các lần cho vay như sau:

- Lần 1: Ngày 04/12/2019 (dương lịch) cho bà L vay 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà L có lập một giấy vay tiền và có ký tên vào giấy vay này.

- Lần 2: Ngày 04/8/2021 (dương lịch) cho bà L vay 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà L có lập một giấy vay tiền và có ký tên vào giấy vay này.

- Lần 3: Ngày 04/8/2022 (dương lịch) cho bà L vay 227.000.000 (Hai trăm hai mươi bảy triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà L có lập một giấy vay tiền và có ký tên vào giấy vay này.

- Lần 4: Ngày 28/8/2023 (dương lịch) cho bà L vay 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà L có lập một giấy vay tiền và có ký tên vào giấy vay này.

- Lần 5: Ngày 28/8/2024 (dương lịch) cho bà L vay 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà L có lập một giấy vay tiền và có ký tên vào giấy vay này.

Tổng số tiền bà cho bà L vay là 1.217.000.000 đồng (Một tỉ hai trăm mười bảy triệu đồng), trong các giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng và khi nào bà cần tiền thì bà L sẽ trả cho bà. Tuy nhiên, đến nay bà có nhu cầu sử dụng số tiền trên và đã yêu cầu bà Liên thanh T nhiều lần nhưng bà L không trả nợ cho bà.

Số tiền cho bà L vay là tài sản riêng của bà không liên quan đến chồng và các con của bà nên đề nghị Tòa án không đưa chồng và con bà tham gia tố tụng tại Tòa án. Thời điểm bà cho bà L vay tiền thì hộ bà L có 04 thành viên là bà L, chồng bà L và 02 người con bà L, chồng và các con có biết việc bà L vay tiền và sử dụng tiền vay hay không thì bà không biết.

Bà khởi kiện đề nghị Tòa án: Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho số tiền nợ gốc là 1.217.000.000 đồng (Một tỉ hai trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất là 10%/ 01 năm tính từ ngày 28/8/2024 cho đến khi giải quyết, xét xử xong vụ án. Số tiền lãi tạm tính đến ngày 13/8/2025 (thời gian là 11 tháng 16 ngày nhưng bà chỉ yêu cầu tính lãi 11 tháng) là: $1.217.000.000đ \times 11 \text{ tháng} \times 10\%/năm$ ($0,83\%/ \text{tháng}$) = 111.112.100 đồng (Một trăm mười một triệu một trăm mười hai nghìn một trăm đồng).

Chứng cứ chứng minh là 05 bản gốc viết tay giấy vay tiền tương ứng với các ngày vay tiền nêu trên.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà và bà Vũ Thị M có quan hệ quen biết nhau từ lâu. Bà có vay tiền của bà M nhiều lần, cụ thể các lần vay như sau:

- Lần 1: Ngày 04/12/2019 (dương lịch), bà vay 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng của bà M, lãi 2.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày nhưng là thỏa thuận miệng không viết giấy tờ, bà có trả bà M lãi đầy đủ theo cam kết được 01 năm, sau đó trả nhiều lần khác.

Trong giấy vay thì hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà có lập một giấy vay tiền và có ký tên vào giấy vay này.

- Lần 2: Ngày 04/8/2021 (dương lịch), bà có lập biên nhận vay nợ bà M 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà có ký tên vào giấy vay này. Bà xác định đây là tiền lãi của khoản vay gốc 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng nhưng hai bên thỏa thuận là viết giấy vay nợ.

- Lần 3: Ngày 04/8/2022 (dương lịch), bà có lập giấy biên nhận nợ bà M 227.000.000 (Hai trăm hai mươi bảy triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà L có lập một giấy biên nhận nợ và có ký tên vào giấy này. Bà xác định đây là tiền lãi của khoản vay gốc 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng nhưng hai bên thỏa thuận viết giấy nhận nợ.

- Lần 4: Ngày 28/8/2023 (dương lịch), bà có vay bà M 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà có lập một giấy vay tiền và có ký tên vào giấy vay này. Bà xác định đây là tiền lãi của cả 03 khoản là 530.000.000 đồng + 227.000.000 đồng + 220.000.000 đồng = 977.000.000 đồng.

- Lần 5: Ngày 28/8/2024 (dương lịch), bà có vay bà M 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Hai bên không thỏa thuận về lãi, không thỏa thuận về thời hạn trả. Bà có lập một giấy vay tiền và có ký tên vào giấy vay này. Bà xác định đây là tiền lãi của cả 03 khoản là 530.000.000 đồng + 227.000.000 đồng + 220.000.000 đồng = 977.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận sẽ trả lãi phát sinh 120.000.000 đồng/năm kể từ tháng 08/2022 cho đến khi trả cả gốc và lãi xong.

Số tiền vay bà M là khoản nợ riêng của cá nhân bà không liên quan đến chồng và các con nên đề nghị Toà án không đưa chồng và con bà tham gia tố tụng tại toà án. Bà thừa nhận các lần vay tiền như bà M yêu cầu là đúng.

Bà xác định từ 12/2019 đến nay đã trả tiền lãi theo thỏa thuận miệng giữa hai bên là 560.000.000 đồng, khoản này do tin tưởng nên chỉ thỏa thuận miệng, khi trả không viết giấy tờ nên bà không cung cấp được tài liệu gì về việc đã trả bà M số tiền lãi là 560.000.000 đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M, bà đề nghị bà M cho trả dần khoản vay cụ thể: Bà xác định chỉ nợ tiền gốc là 530.000.000 đồng và bà sẽ trả gốc cho bà M từ nay đến cuối năm là 200.000.000 đồng và trả dần vào năm 2026. Số tiền

lãi bà sẽ thu xếp trả dần cho bà M. Trường hợp bà M không đồng ý, hai bên không thỏa thuận được bà đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 275, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M.

Buộc bà Hoàng Thị L phải thanh toán trả cho bà Vũ Thị M tổng số tiền 1.328.112.100 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi tám triệu một trăm mười hai nghìn một trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 1.217.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (thời gian là 11 tháng 16 ngày nhưng bà M chỉ yêu cầu tính lãi 11 tháng) là 111.112.100 đồng (Một trăm mười một triệu một trăm mười hai nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu 51.843.363đ (Năm mươi một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Vũ Thị M số tiền tạm ứng án phí 25.467.132 đồng (Hai mươi năm triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm ba mươi hai đồng) bà M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu 0003207 ngày 09/5/2025.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Bắc Ninh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ các nội dung của bản án sơ thẩm, buộc bà Vũ Thị M trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 716 777, số 01424 do UBND huyện L cấp ngày 31/12/2004.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả 1.217.000.000 đồng nợ gốc. Về tiền lãi nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu, chỉ buộc bị đơn trả tiền lãi của khoản tiền vay nợ gốc 1.217.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 05/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn trình bày:

- Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền vay nợ gốc là 530.000.000 đồng theo giấy vay ngày 04/9/2019 và tiền lãi của số tiền nợ gốc 530.000.000 đồng.

- Bị đơn chỉ đồng ý trả tiền lãi của khoản tiền vay nợ gốc 530.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 04/9/20219 tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 05/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm; không đồng ý trả tiền lãi của khoản tiền vay nợ gốc là 1.217.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Bị đơn xác định từ năm 2019 đến nay đã trả nguyên đơn được 567.000.000 đồng tiền lãi.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh phát biểu:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm do nguyên đơn thay đổi yêu cầu về việc tính lãi, việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị L, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 5-Bắc Ninh. Cụ thể: Buộc bà Hoàng Thị L phải trả bà Vũ Thị M tổng số tiền 1.249.932.020 đồng trong đó nợ gốc là 1.217.000.000 đồng, nợ lãi là 32.932.020 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả bà L tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị L như sau:

[1] Nguyên đơn bà Vũ Thị M khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị L trả số tiền nợ gốc 1.217.000.000 đồng, chứng cứ chứng minh là bản gốc giấy vay tiền ngày 04/12/2019, ngày 04/8/2021, ngày 04/8/2022, ngày 28/8/2023 và ngày 28/8/2024. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà L xác nhận chữ ký, chữ viết trong bản gốc

các giấy vay tiền do bà M giao nộp là chữ ký, chữ viết của bà M.

[2] Bà L cho rằng chỉ vay bà M khoản tiền gốc 530.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 04/12/2019, đối với các khoản tiền ghi trong các giấy vay tiền ngày 04/8/2021, ngày 04/8/2022, ngày 28/8/2023 và ngày 28/8/2024 là tiền lãi của khoản tiền vay gốc 530.000.000 đồng ngày 04/12/2019 nhưng bà L không giải trình, cung cấp được giấy tờ, căn cứ chứng minh số tiền ghi tại các giấy vay tiền này là tiền lãi. Bà L cũng cho rằng từ 12/2019 đến nay bà L đã trả bà M tiền lãi theo thỏa thuận miệng giữa hai bên là 567.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã trả bà M số tiền lãi là 567.000.000 đồng ngoài lời trình bày. Tòa sơ thẩm căn cứ vào 05 giấy biên nhận vay tiền bản gốc do bà M giao nộp buộc bà L trả bà M số tiền nợ gốc 1.217.000.000 đồng là có căn cứ theo Điều 463, Điều 465, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Nội dung bản gốc 05 giấy vay tiền không ghi thỏa thuận của bà M và bà L về lãi suất, về thời hạn. Bà L cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi 2.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày nhưng là thỏa thuận miệng không viết giấy tờ, bà có trả bà M lãi đầy đủ theo cam kết được 01 năm, sau đó trả nhiều lần khác nhưng bà M không thừa nhận. Bà L không đưa ra được căn cứ tài liệu nào thể hiện hai bên có thỏa thuận về lãi suất như bà L trình bày. Căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 xác định đây là Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Vũ Thị M yêu cầu bà L phải trả tiền lãi của số tiền nợ gốc 1.217.000.000 đồng, mức lãi suất là 10%/ năm tính từ ngày 28/8/2024 đến khi giải quyết, xét xử xong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M thay đổi yêu cầu tính lãi, chỉ buộc bà L trả tiền lãi tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 05/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng, 0,027%/ngày). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của bà M là tự nguyện, vẫn thuộc phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với Điều 357, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[5] Từ ngày nộp đơn khởi kiện 05/5/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/8/2025 là 03 tháng 08 ngày. Số tiền lãi của 03 tháng là: $1.217.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 30.303.300 \text{ đồng}$. Số tiền lãi của 08 ngày là: $1.217.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/\text{ngày} \times 08 \text{ ngày} = 2.628.720 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi là: 32.932.020 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi nguyên đơn phải trả bị đơn là 1.249.932.020 đồng.

[6] Xét thấy, tại cấp phúc thẩm, bị đơn không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác, bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ. Tuy nhiên do tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi bị đơn phải trả nguyên đơn như nhận định, phân tích nêu trên.

[7] Đối với yêu cầu của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Vũ Thị M trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 716 777, số 01424 do UBND huyện L cấp ngày 31/12/2004 do trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Hoàng Thị L không đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết đối với yêu cầu này nên kháng cáo này của bà Hoàng Thị L không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ gốc, nợ lãi phải trả bà Vũ Thị M theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí bà L phải chịu trên số tiền 1.249.932.020đồng là: $36.000.000\text{đồng} + (1.249.932.020\text{đồng} - 800.000.000\text{đồng}) \times 3\% = 49.497.960\text{đồng}$.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5-Bắc Ninh.

Căn cứ Điều 275, Điều 463, Điều 466,, Điều 469, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị M: Buộc bà Hoàng Thị L phải trả bà Vũ Thị M tổng số tiền 1.249.932.020đồng (Một tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, không trăm hai mươi đồng) trong đó nợ gốc là 1.217.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu đồng), nợ lãi là 32.932.020 đồng (Ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, không trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Hoàng Thị L phải chịu 49.566.963đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn trả bà Vũ Thị M số tiền 25.467.132 đồng (Hai mươi năm triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi hai đồng) tạm ứng án phí bà M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5- Bắc Ninh) theo biên lai thu 0003207 ngày 09/5/2025.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Hoàng Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000726 ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND khu vực 5-Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5- Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Luyện

